

1.SẢN PHẨM BẢO HIỂM “MANULIFE - CUỘC SỐNG TƯƠI ĐẸP ƯU VIỆT”

*(Bệnh lý nghiêm trọng
chi trả qua ba giai đoạn mở rộng)*



THỰC TRẠNG

Tại Việt Nam, ước tính

73%

trường hợp tử vong
do các bệnh không lây nhiễm, chủ yếu là:

☒ Ung thư

☒ Phổi mạn tính

☒ Tim mạch

Tại Việt Nam, ước tính



Các ung thư hàng đầu hay mắc phải



Tại Việt Nam, có hơn

200

ngàn người

bị tai biến mạch máu não

Trong đó

50%

tử vong

90%

số người sống sót sau đột
quy phải sống chung với
các di chứng về thần kinh
và vận động

Người bệnh tim mạch, cao huyết áp, xơ vữa động mạch, hở van tim... là những đối tượng dễ đột
quy nhất.

Nguồn: Báo cáo của nhóm nghiên cứu BV Ung bướu TP.HCM và GS Nguyễn Chấn Hùng, Chủ tịch Hội Ung thư
Việt Nam, Thống kê công bố của Bộ Y Tế.

5

Ưu Điểm Vượt Trội

**BỆNH LÝ
NGHIÊM
TRỌNG**

Bảo vệ tài chính toàn diện trước 134 BLNT các giai đoạn (GD sớm, GD giữa, GD cuối), BLNT đối với trẻ em hoặc bệnh lý theo giới tính. Lên đến 08 lần chi trả, tối đa 325% STBH, bảo vệ đến 75 tuổi.

**PHIẾU TIỀN
MẶT AN NHÀN**

Hoàn lại tiền mặt nếu không gặp rủi ro, lên đến 100% STBH tại tuổi 75 hoặc năm HĐ thứ 20.

BẢO TỨC

Nguồn tài chính bổ sung cho những nhu cầu ngắn hạn.

ĐÁO HẠN

Khoản tích lũy khổng lồ cho con cháu. 100% STBH kèm Bảo tức và Lãi tích lũy.

TỬ VONG

Đóng phí ngắn hạn, bảo vệ đến tuổi 99. Đảm bảo tương lai cho người thân trước rủi ro lớn nhất trong cuộc đời.

QUYỀN LỢI SẢN PHẨM



QUYỀN LỢI BỆNH LÝ **NGHIÊM TRỌNG**

TỚI 75 TUỔI

BLNT giai đoạn **SỚM**

- ▶ **35 bệnh.**
- ▶ **25% STBH**/lần thanh toán.
- ▶ **Tối đa 500 triệu đồng**/lần thanh toán cho QLBLNT GĐ sớm của toàn bộ các hợp đồng có QLBLNT GĐ sớm của cùng NĐBH.
- ▶ Chi trả tối đa **4 lần** cho các BLNT giai đoạn sớm khác nhau.
- ▶ Sau khi chi trả 4 lần QLBLNT GĐ sớm, QLBLNT GĐ sớm kết thúc. Các QLBLNT GĐ giữa và GĐ cuối tiếp tục hiệu lực.

BLNT giai đoạn **GIỮA**

- ▶ **35 bệnh.**
- ▶ **50% STBH**/lần thanh toán.
- ▶ **Tối đa 1 tỷ đồng**/lần thanh toán cho QLBLNT GĐ giữa của toàn bộ các hợp đồng có QLBLNT GĐ giữa của cùng NĐBH.
- ▶ Trước khi chi trả, **trừ đi QL BLNT giai đoạn sớm** cho cùng một bệnh đã thanh toán.
- ▶ Chi trả tối đa **2 lần** cho các BLNT giai đoạn giữa khác nhau.
- ▶ Sau khi chi trả 2 lần QLBLNT GĐ giữa, QLBLNT GĐ giữa kết thúc. Các QLBLNT GĐ sớm và GĐ cuối tiếp tục hiệu lực.

BLNT giai đoạn **CUỐI**

- ▶ **49 bệnh**
- ▶ **100% STBH**
- ▶ Trước khi chi trả, **trừ đi QLBLNT GĐ sớm và QLBLNT GĐ giữa** cho cùng một bệnh đã thanh toán.
- ▶ Chi trả tối đa **1 lần**.
- ▶ Sau khi chi trả QLBLNT GĐ cuối:
 - **QLBLNT chấm dứt.** HDBH tiếp tục hiệu lực với các QL khác.
 - **Giá trị tiền mặt của HĐ sẽ giảm 50%** cho tới khi HĐ phát sinh Phiếu tiền mặt an nhàn.

- ▶ Có 2 bệnh chẩn đoán cùng 1 ngày hoặc 1 lần thăm khám >>> thanh toán 1.
- ▶ Bệnh liên quan cơ quan cặp >>> thanh toán 1.
- ▶ Thời gian chờ: 90 ngày kể từ ngày cấp HĐ hoặc ngày khôi phục HĐ gần nhất. Những BLNT được chẩn đoán trong thời gian chờ sẽ bị loại trừ trong suốt thời gian HĐ.
- ▶ Thời gian còn sống: 30 ngày.

DANH SÁCH CÁC BỆNH LÝ NGHIÊM TRỌNG QUA CÁC GIAI ĐOẠN

| NHÓM BỆNH | GIAI ĐOẠN SỚM | GIAI ĐOẠN GIỮA | GIAI ĐOẠN CUỐI |
|-----------------------|--|--|--|
| KHỐI U | 1. Ung thư biểu mô tại chỗ | 1. Ung thư biểu mô tại chỗ của các cơ quan cụ thể được điều trị bằng phẫu thuật triệt để | 1. Ung thư nghiêm trọng |
| | 2. Phẫu thuật cắt bỏ u tuyến yên thông qua đường xuyên xoang bướm hoặc đường mũi | 2. Phẫu thuật mở hộp sọ để cắt bỏ toàn bộ u tuyến yên | 2. U não lành tính |
| BỆNH CỦA HỆ THẦN KINH | 3. Chẩn đoán bệnh Sa sút trí tuệ bao gồm Bệnh Alzheimer | 3. Bệnh Alzheimer mức độ trung bình | 3. Bệnh Alzheimer / Sa sút trí tuệ trầm trọng |
| | 4. Bệnh Parkinson nhẹ | 4. Bệnh Parkinson trung bình | 4. Bệnh Parkinson nặng |
| | 5. Câm bất động (Akinetic Mutism) | 5. Hội chứng khóa trong (Locked in syndrome) | 5. Hội chứng Apallic |
| | 6. Hôn mê kéo dài ít nhất 48 giờ | 6. Động kinh nặng / Hôn mê kéo dài ít nhất 72 giờ | 6. Hôn mê kéo dài ít nhất 96 giờ |
| | 7. Bệnh thần kinh ngoại biên | 7. Bệnh tế bào thần kinh vận động nhẹ | 7. Bệnh tế bào thần kinh vận động nặng |
| | 8. Bệnh xơ cứng rải rác giai đoạn sớm | 8. Bệnh xơ cứng rải rác mức độ nhẹ | 8. Bệnh xơ cứng rải rác mức độ nặng |
| | 9. Bệnh hoặc tổn thương tủy sống gây rối loạn chức năng của ruột và bàng quang | 9. Loạn dưỡng cơ mức độ trung bình | 9. Loạn dưỡng cơ |
| | | | 10. Phẫu thuật não |
| | | | 11. Bệnh xơ cứng cột bên teo cơ |
| | | | 12. Bệnh nhược cơ (Myasthenia Gravis) |
| BỆNH CỦA HỆ TUẦN HOÀN | 10. Phương pháp điều trị truyền cơ tim bằng tia Laser | 10. Phẫu thuật nội soi tim mạch | 13. Phẫu thuật nối tắt động mạch vành |
| | 11. Bệnh động mạch vành nhẹ | 11. Bệnh động mạch vành trung bình | 14. Bệnh động mạch vành nghiêm trọng khác |
| | 12. Đặt máy điều hòa nhịp tim | 12. Phẫu thuật cắt bỏ màng ngoài tim | 15. Bệnh nhồi máu cơ tim được xác định là nghiêm trọng |
| | 13. Thủ thuật tạo hình van tim, tách van tim qua da | 13. Phẫu thuật nội soi van tim | 16. Phẫu thuật thay thế van tim |
| | 14. Tăng áp lực động mạch phổi giai đoạn sớm | 14. Tăng áp lực động mạch phổi thứ phát mức độ nặng | 17. Tăng áp lực động mạch phổi nguyên phát mức độ nặng |
| | 15. Phẫu thuật phình động mạch ở não | 15. Phẫu thuật động mạch cảnh | 18. Đột quỵ |
| | 16. Phình động mạch chủ lớn không triệu chứng | 16. Phẫu thuật xâm lấn tối thiểu động mạch chủ | 19. Phẫu thuật động mạch chủ |
| | | | 20. Bệnh cơ tim |
| BỆNH CỦA HỆ HÔ HẤP | 17. Phẫu thuật cắt bỏ 1 bên phổi | 17. Hen suyễn nặng | 21. Hội chứng Eisenmenger |
| BỆNH CỦA HỆ TIÊU HÓA | 18. Phẫu thuật gan | 18. Xơ gan | 22. Bệnh phổi giai đoạn cuối |
| | 19. Phẫu thuật tái cấu trúc đường mật | 19. Bệnh viêm xơ chai đường mật nguyên phát mãn tính | 23. Bệnh suy gan giai đoạn cuối |
| | | | 24. Viêm gan siêu vi tối cấp |
| | | | 25. Bệnh viêm tụy mãn tái phát |
| | | | 26. Bệnh Crohn mức độ nặng |

DANH SÁCH CÁC BỆNH LÝ NGHIÊM TRỌNG QUA CÁC GIAI ĐOẠN

| NHÓM BỆNH | GIAI ĐOẠN SỚM | GIAI ĐOẠN GIỮA | GIAI ĐOẠN CUỐI |
|--|--|---|---|
| BỆNH CỦA HỆ TIẾT NIỆU, SINH DỤC | 20. Phẫu thuật cắt bỏ một thận | 20. Bệnh thận mạn tính | 27. Suy thận 28. Bệnh nang tủy thận |
| BỆNH CỦA HỆ THỐNG CƠ, XƯƠNG VÀ MÔ LIÊN KẾT | 21. Mất khả năng sống độc lập (giai đoạn sớm) | 21. Mất khả năng sống độc lập (giai đoạn trung gian) | 29. Mất khả năng sống độc lập (giai đoạn cuối) 30. Bệnh viêm cân cơ hoại tử (Necrotising fasciitis) 31. Bệnh viêm đa khớp dạng thấp nặng 32. Loãng xương nặng |
| BỆNH NHIỄM KHUẨN VÀ KÝ SINH VẬT | 22. Viêm màng não nhiễm khuẩn phục hồi hoàn toàn 23. HIV mắc phải do bị tấn công hoặc do nghề nghiệp 24. Viêm não do virus phục hồi hoàn toàn 25. Sốt bại liệt (giai đoạn sớm) | 22. Viêm màng não nhiễm khuẩn với di chứng thần kinh có khả năng hồi phục 23. HIV do cấy ghép cơ quan 24. Viêm não do virus mức độ nhẹ 25. Sốt bại liệt (giai đoạn trung gian) | 33. Viêm màng não nhiễm khuẩn với di chứng thần kinh vĩnh viễn 34. HIV mắc phải do truyền máu hoặc do nghề nghiệp 35. Viêm não do virus mức độ nặng 36. Bệnh sốt bại liệt |
| BỆNH CỦA DA VÀ TỔ CHỨC DƯỚI DA | 26. Bệnh xơ cứng bì tiến triển giai đoạn sớm 27. Bệnh Lupus ban đỏ hệ thống dạng nhẹ | 26. Bệnh xơ cứng bì tiến triển với hội chứng CREST 27. Bệnh Lupus ban đỏ hệ thống dạng trung bình có kèm viêm thận do Lupus | 37. Bệnh xơ cứng bì tiến triển mức độ nặng 38. Bệnh Lupus ban đỏ hệ thống dạng nặng có kèm viêm thận do Lupus |
| CÁC NHÓM BỆNH KHÁC | 28. Thiếu máu bất sản có khả năng hồi phục 29. Mù 1 (một) mắt 30. Mờ khí quản vĩnh viễn (hoặc tạm thời) 31. Bồng mức độ nhẹ 32. Điếc cục bộ 33. Chấn thương đầu mặt cổ cần phẫu thuật phục hồi 34. Ghép ruột non / Ghép giác mạc 35. Mất khả năng sử dụng của 1 (một) chi | 28. Hội chứng rối loạn sinh tủy hoặc xơ tủy 29. Teo thần kinh thị giác gây khiếm thị 30. Câm do liệt dây thanh 31. Bồng khuôn mặt mức độ trung bình 32. Phẫu thuật cấy ghép ốc tai 33. Chấn thương sọ não cần phẫu thuật mở hộp sọ 34. Cấy ghép tủy xương hoặc các cơ quan chính (trong danh sách chờ phẫu thuật) 35. Mất khả năng sử dụng của 1 (một) chi cần phải có bộ phận giả | 39. Thiếu máu bất sản 40. Mù 2 (hai) mắt 41. Câm 42. Bồng nặng 43. Điếc 44. Chấn thương sọ não nghiêm trọng 45. Cấy ghép tủy xương hoặc các cơ quan chính 46. Liệt 47. Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối 48. Bệnh Creutzfeld-Jacob 49. Bệnh suy tuyến thượng thận mãn tính |

QL BỆNH LÝ NGHIÊM TRỌNG BỔ SUNG

TỚI 75 TUỔI

**+ 25%
STBH**

- Nếu NĐBH < 18 tuổi mắc BLNT đối với trẻ em
- Nếu NĐBH \geq 18 tuổi mắc bệnh lý theo giới tính (trừ Dị tật bẩm sinh)
- Nếu con của NĐBH nữ sinh ra bị Dị tật bẩm sinh
 - ▶ Chi trả 01 lần duy nhất. QL này chấm dứt sau khi thanh toán.
 - ▶ Chi trả độc lập với các QLBLNT khác.

DANH SÁCH CÁC BỆNH LÝ NGHIÊM TRỌNG BỔ SUNG

| ĐỐI VỚI TRẺ EM | THEO GIỚI TÍNH |
|--|--|
| <ol style="list-style-type: none">1. Bệnh teo cơ tủy sống loại 1 ở trẻ em2. Viêm khớp dạng thấp nặng ở trẻ em3. Hemophilia nặng4. Bệnh thấp có tổn thương van tim5. Bệnh xương thủy tinh6. Đái tháo đường phụ thuộc insulin7. Bệnh Kawasaki8. Viêm cầu thận với hội chứng thận hư | <p>Nam</p> <ol style="list-style-type: none">1. Ung thư gan2. Ung thư phổi3. Ung thư tuyến tiền liệt <p>Nữ</p> <ol style="list-style-type: none">1. Ung thư biểu mô tại chỗ của vú, cổ tử cung, tử cung, buồng trứng, ống dẫn trứng hoặc âm đạo2. Biến Chứng Thai Sản3. Dị Tật Bẩm Sinh4. Phẫu thuật Phục Hồi |

Thời gian chờ: 90 ngày kể từ ngày cấp HD hoặc ngày khôi phục HD gần nhất.

Thời gian còn sống: 30 ngày

LOẠI TRỪ QUYỀN LỢI BỆNH LÝ NGHIÊM TRỌNG

loại trừ quyền lợi

- ▶ Các Bệnh Có Sẵn, ngoại trừ những trường hợp đã được kê khai và được sự chấp thuận của Công ty.
- ▶ Hành vi vi phạm pháp luật hình sự của NĐBH, BMBH, Người thụ hưởng.
- ▶ Tự tử/có hành vi tự tử/tự ý gây ra tổn thương, cho dù NĐBH có bị mất trí hay không.
- ▶ Nổ hoặc phóng xạ từ vũ khí hạt nhân, vũ khí hóa học và nguyên tử, nhiễm độc phóng xạ từ việc cài đặt hạt nhân và nguyên tử.



Hợp đồng vẫn duy trì hiệu lực trong trường hợp QL BLNT bị loại trừ.

QUYỀN LỢI PHIẾU TIỀN MẶT AN NHÀN

100% STBH

TRỪ ĐI QL BLNT giai đoạn sớm và giai đoạn giữa đã chi trả

CHI TRẢ nếu:

*chưa thanh toán
QL BLNT giai
đoạn cuối.*

CHI TRẢ khi:

*NĐBH đủ 75 tuổi hoặc
cuối năm HĐ 20, tùy thời
điểm nào đến sau:*

- ▶ *Khi NĐBH 75 tuổi: nếu NĐBH \leq 55 tuổi tại ngày cấp HĐ*
- ▶ *Cuối năm HĐ 20: nếu NĐBH > 55 tuổi tại ngày cấp HĐ*

Sau khi CHI TRẢ:

- ▶ *Chấm dứt QL BLNT, BLNT bổ sung*
- ▶ *HĐ tiếp tục có hiệu lực với các QL khác*
- ▶ *Giá trị tiền mặt của HĐ giảm tương ứng*

QUYỀN LỢI TỬ VONG & TRỢ CẤP MAI TÁNG

QL TRỢ CẤP MAI TÁNG

10% STBH, tối đa 30 triệu đồng

ĐIỀU KIỆN: Sự kiện tử vong xảy ra sau 01 năm kể từ Ngày Hiệu Lực HĐ hoặc ngày khôi phục hiệu lực HĐ, tùy thuộc ngày nào đến sau.



QUYỀN LỢI TỬ VONG

Nếu **ĐÃ** chi trả QL BLNT
giai đoạn cuối **HOẶC** QL
PTM an nhàn

100% STBH

- *CỘNG THÊM Bảo tức tích lũy và lãi tích lũy, nếu có.*
- *TRỪ ĐI QL trợ cấp mai táng đã chi trả và nợ (nếu có).*
- *Trong mọi trường hợp, tổng QL tử vong không thấp hơn tổng phí bảo hiểm đã đóng.*

Nếu **CHƯA** chi trả
QL BLNT giai đoạn cuối **VÀ**
QL PTM an nhàn

200% STBH

LOẠI TRỪ QUYỀN LỢI TỬ VONG & TRỢ CẤP MAI TÁNG

loại trừ quyền lợi

- ▶ Tự tử hoặc có hành vi tự tử trong thời gian 02 (hai) năm kể từ Ngày hiệu lực HĐ hoặc Ngày khôi phục hiệu lực gần nhất.
- ▶ Các hành vi vi phạm pháp luật hình sự của NĐBH, BMBH hoặc Người thụ hưởng.



Công ty sẽ hoàn lại giá trị lớn hơn giữa:

- ▶ *GIÁ TRỊ HOÀN LẠI; hoặc:*
- ▶ *TỔNG PHÍ BẢO HIỂM ĐÃ ĐÓNG không lãi, sau khi trừ các QL BH đã thanh toán & nợ (nếu có).*

QUYỀN LỢI BH VỚI NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM < 4 TUỔI

- ▶ *BLNT giai đoạn sớm*
- ▶ *BLNT giai đoạn giữa*
- ▶ *BLNT giai đoạn cuối*
- ▶ *BLNT bổ sung*
- ▶ *Trợ cấp mai táng*
- ▶ *Tử vong*

| Tuổi của NĐBH tại thời điểm được chẩn đoán mắc BLNT hoặc tử vong | Tỷ lệ % của STBH |
|--|---------------------|
| Từ 01 tháng tuổi → dưới 01 tuổi | 20% |
| Từ 01 tuổi → dưới 02 tuổi | 40% |
| Từ 02 tuổi → dưới 03 tuổi | 60% |
| Từ 03 tuổi → dưới 04 tuổi | 80% |

QUYỀN LỢI **BẢO TỨC**

- ▶ Không đảm bảo. Căn cứ tình hình kinh doanh thực tế.
- ▶ **Điều kiện:** tất cả các khoản phí đến hạn đã được đóng.
- ▶ **Phương thức nhận:** để lại tích lũy; rút ra chi dùng; để đóng phí BH.

BẢO TỨC ĐỊNH KỲ

Chi trả vào ngày *k* ni m
HĐ hàng năm, bắt đầu sau
khi kỳ phí đầu tiên của
năm thứ 2 đã đóng.

BẢO TỨC TRI ÂN

Chi trả vào:

- ▶ Ngày kỷ niệm HĐ năm cuối cùng của thời hạn đóng phí, và:
- ▶ Mỗi ngày m HĐ sau thời hạn đóng phí cho tới khi NĐBH 65 tuổi (nếu NĐBH < 65 tuổi lúc kết thúc thời hạn đóng phí).

QUYỀN LỢI ĐÁO HẠN

100% STBH

+ QL Phiếu Tiền Mặt An Nhân (nếu có)
+ Bảo Túc tích lũy (nếu có) + Lãi tích lũy (nếu có)

Trong mọi trường hợp, tổng QL đáo hạn không thấp hơn tổng phí bảo hiểm đã đóng.

minh họa

Anh A 30 tuổi tham gia Manulife – Cuộc Sống Tươi Đẹp Ưu Việt, STBH 500 triệu đồng, đóng phí 20 năm. Phí bảo hiểm 27.290.000 đồng/năm.

Anh A đáo hạn HĐ ở năm 99 tuổi hoặc có thể dừng HĐ sớm hơn với giá trị hoàn lại như hình sau. Lãi suất minh họa 6.25%/năm. Giả sử các khoản QL Phiếu Tiền Mặt, Bảo túc và lãi chưa được rút trước đó.



Bạn còn nhớ?



BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM



Giới thiệu sơ lược về Công ty và các quyền lợi ưu việt của sản phẩm

Thông tin khách hàng

Thông tin Hợp đồng bảo hiểm (tên sản phẩm, STBH, phí)

Tóm tắt quyền lợi bảo hiểm

Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm cho sản phẩm chính

Bảng minh họa quyền lợi theo các mức bảo tức và lãi suất tích lũy của sản phẩm chính

Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm cho sản phẩm bổ trợ (nếu có)

Thông tin Doanh nghiệp và Tập đoàn

Xác nhận của Tư vấn tài chính

Xác nhận của Bên mua bảo hiểm

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM



BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

MANULIFE – CUỘC SỐNG TƯƠI ĐẸP ƯU VIỆT

Bình An Vui Sống

Manulife - Cuộc Sống Tươi Đẹp Ưu Việt mang đến cho bạn sự bình an trong tâm trí với các quyền lợi ưu việt và toàn diện.

Với phí đóng ngắn hạn nhưng được bảo vệ đến 99 tuổi

Bảo vệ toàn diện đến tuổi 75 trước các BLNT giai đoạn sớm, giai đoạn giữa, giai đoạn cuối; BLNT đối với trẻ em và bệnh lý theo giới tính với tổng QL lên đến 325% STBH

QL Phiếu tiền mặt an nhàn có thể lên đến 100% STBH tại tuổi 75

QL đáo hạn hấp dẫn bằng 100% STBH kèm Bảo tức và Lãi tích lũy

Manulife Việt Nam – một trong những công ty bảo hiểm nhân thọ hàng đầu và có vốn điều lệ lớn nhất Việt Nam, tính đến hết năm 2017.

Ghi chú: Sản phẩm đã được Bộ Tài Chính phê duyệt theo công văn số 710/BTC-QLBH ngày 18/01/2018 với tên gọi kỹ thuật là "Bảo hiểm hỗn hợp bệnh lý nghiêm trọng - chi trả qua ba giai đoạn".

V01 - EIM20



BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

| TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM | |
|--|--|
| A. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM CHÍNH | |
| Đơn vị: Đồng | |
| Quyền Lợi Bảo Hiểm | Ghi chú |
| 1. Quyền Lợi Phiếu Tiền Mặt An Nhân ▪ Công ty sẽ chi trả quyền lợi này nếu quyền lợi BLNT giai đoạn cuối chưa được chi trả, khi người được bảo hiểm đạt 75 tuổi | 500 QL Phiếu Tiền Mặt An Nhân 500 triệu đồng <i>(trừ đi QLBLNT giai đoạn sớm và giai đoạn giữa đã chi trả)</i> |
| 2. | QL Đáo hạn hợp đồng 500 triệu đồng + Phiếu Tiền mặt an nhân + Bảo tức tích lũy + Lãi tích lũy Giá trị tích lũy tại lãi suất minh họa 6,25%/năm nếu chưa nhận QLTMAN và BT trước đó: 14.704.522.000 đồng |
| 3. Bảo Tức(*) | Bảo tức định kỳ chi trả hàng năm vào mỗi ngày kỷ niệm hợp đồng ▪ Bảo tức định kỳ ▪ Bảo tức tri ân Bảo tức tri ân chi trả hàng năm ngay khi hết thời hạn đóng phí cho đến tuổi 65 của NĐBH |
| 4. Quyền Lợi Bảo [BLNT] (**) | QLBH BLNT giai đoạn sớm 125 triệu đồng/bệnh <i>(tối đa 4 lần cho các bệnh khác nhau)</i> QLBH BLNT giai đoạn giữa 250 triệu đồng/bệnh <i>(tối đa 2 lần cho các bệnh khác nhau, trừ đi QLBLNT giai đoạn sớm cho cùng bệnh đã thanh toán)</i> QLBH BLNT giai đoạn cuối 500 triệu đồng <i>(trừ đi QLBLNT giai đoạn sớm và giai đoạn giữa cho cùng bệnh đã thanh toán)</i> |

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

| | |
|--|--|
| <p>5. Quyền Lợi Bảo Hiểm Bệnh Lý Nghiêm Trọng Bỏ Sung 125.000.000</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng cho trẻ em(**) ▪ Quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng dành riêng cho Nam (***) | <p>QLBH BLNT bổ sung 125 triệu đồng</p> <p>Bảo hiểm từ 18 tuổi đến 75 tuổi</p> |
| <p>6. Quyền Lợi Bảo Hiểm Khi Từ Vong (**)(***)</p> <p>Trước thời điểm đã phát sinh Quyền lợi Phiếu tiền mặt an nhân.</p> <p>Từ thời điểm đã phát sinh Quyền lợi Phiếu tiền mặt an nhân</p> | <p>Trước thời điểm phát sinh QL Phiếu tiền mặt an nhân: 1 tỷ đồng (500 triệu đồng nếu đã chi trả QL BLNT giai đoạn cuối)</p> <p>Từ thời điểm phát sinh QL Phiếu tiền mặt an nhân: 500 triệu đồng</p> |

Lưu ý:

(*) Bảo tức là khoản không đảm bảo được chi trả dựa vào kết quả hoạt động của Quỹ chủ hợp đồng tham gia chia lãi. Khách hàng có thể (1) nhận Bảo tức bằng tiền mặt bất cứ thời điểm nào hoặc (2) để lại Công ty và hưởng Lãi tích lũy theo mức lãi suất được công bố tại từng thời điểm hoặc (3) dùng đóng phí bảo hiểm cho các kỳ phí tiếp theo.

(**) Trong trường hợp Người Được Bảo Hiểm là trẻ em dưới bốn (04) tuổi tại thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm, Quyền Lợi Bảo Hiểm sẽ được điều chỉnh theo quy định tại điều khoản hợp đồng

(***) Quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng dành riêng cho Nam sẽ không được chấp nhận chi trả nếu Quyền lợi BLNT cho trẻ em đã được thanh toán trước đó.

(****) Ngay khi nhận được yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm từ vong, công ty sẽ tạm ứng trước 10% STBH, tối đa không quá 30 triệu đồng cho khách hàng và số tiền trên sẽ được khấu trừ vào quyền lợi từ vong được chi trả. Vui lòng tham khảo điều khoản điều 12.1 để biết thêm chi tiết về điều kiện nhận quyền lợi.

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

| Năm HĐ / Tuổi | Tổng Phí BHSP Chính Lũy Kế | Quyền lợi đảm bảo | | | | | Quyền lợi minh họa (Không đảm bảo*) | | | | | |
|---------------------|-------------------------------------|--|-------------------|---------|-----------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------|---|------------------------------|--------------------------|--|--|
| | | Quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng (**) | | | Giá trị tiền mặt (***) | | QLBH Từ Vong (2) | QL Phiếu Tiền Mặt an nhân TL (3) | Bảo Túc Định Kỳ TL (4) | Bảo Túc Tri An TL (5) | Tổng Giá Trị Hoàn Lại (****) (6) | Tổng QLBH SP Chính Khi Từ Vong (7) |
| | | Giai đoạn sớm và giữa | Giai đoạn cuối | Bổ sung | Đã nhận QL PTMAN (****) (1) | Chưa nhận QL PTMAN (****) | | | | | | |
| 42/72 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 737.400 | | | | | | | 238.460 |
| 43/73 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 759.650 | | | | | | | 395.519 |
| 44/74 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 787.100 | | | | | | | 563.129 |
| 45/75 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 814.650 | | | | | | | 742.009 |
| 46/76 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 842.200 | 864.650 | 500.000 | 500.000 | 1.052.919 | 1.689.090 | 3.606.659 | 3.742.009 |
| 47/77 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 869.750 | 870.550 | 500.000 | 531.250 | 1.128.301 | 1.794.658 | 3.824.759 | 3.954.209 |
| 48/78 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 897.300 | 876.300 | 500.000 | 564.453 | 1.203.930 | 1.906.224 | 4.051.507 | 4.175.207 |
| 49/79 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 924.850 | 881.850 | 500.000 | 599.731 | 1.289.561 | 2.026.001 | 4.291.948 | 4.410.098 |
| 50/80 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 952.400 | 887.300 | 500.000 | 639.000 | 1.375.192 | 2.152.626 | 4.547.044 | 4.659.744 |
| 51/81 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 980.000 | | | | 1.460.826 | 2.287.165 | 4.817.718 | 4.925.068 |
| 52/82 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.007.600 | | | | 1.546.460 | | | |
| 53/83 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.035.200 | | | | 1.632.094 | | | |
| 54/84 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.062.800 | | | | 1.717.728 | | | |
| 55/85 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.090.400 | | | | 1.803.362 | | | |
| 56/86 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.118.000 | | | | 1.888.996 | | | |
| 57/87 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.145.600 | | | | 1.974.630 | | | |
| 58/88 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.173.200 | | | | 2.060.264 | | | |
| 59/89 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.200.800 | | | | 2.145.898 | | | |
| 60/90 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.228.400 | | | | 2.231.532 | | | |
| 61/91 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.256.000 | | | | 2.317.166 | | | |
| 62/92 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.283.600 | | | | 2.402.800 | | | |
| 63/93 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.311.200 | | | | 2.488.434 | | | |
| 64/94 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.338.800 | | | | 2.574.068 | | | |
| 65/95 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.366.400 | 458.550 | 500.000 | 1.680.926 | 2.659.702 | 5.344.150 | 16.563 | 10.963.363 |
| 66/96 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.394.000 | 964.550 | 500.000 | 1.766.560 | 2.745.336 | 5.430.784 | 16.563 | 11.623.573 |
| 67/97 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.421.600 | 964.550 | 500.000 | 1.852.194 | 2.830.970 | 5.516.418 | 16.563 | 12.283.783 |
| 68/98 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.449.200 | 964.550 | 500.000 | 1.937.828 | 2.916.604 | 5.602.052 | 16.563 | 12.943.993 |
| 69/99 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.476.800 | 964.550 | 500.000 | 2.023.462 | 3.002.238 | 5.687.686 | 16.563 | 13.604.203 |
| 70/00 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.504.400 | 1.000.000 | 500.000 | 2.109.096 | 3.087.872 | 5.773.320 | 16.563 | 14.264.413 |
| 71/01 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.532.000 | | | 2.194.730 | 3.173.506 | 5.858.954 | 16.563 | 14.924.623 |
| 72/02 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.559.600 | | | 2.280.364 | 3.259.140 | 5.944.588 | 16.563 | 15.584.833 |
| 73/03 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.587.200 | | | 2.365.998 | 3.344.774 | 6.030.222 | 16.563 | 16.245.043 |
| 74/04 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.614.800 | | | 2.451.632 | 3.430.408 | 6.115.856 | 16.563 | 16.905.253 |
| 75/05 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.642.400 | | | 2.537.266 | 3.516.042 | 6.201.490 | 16.563 | 17.565.463 |
| 76/06 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.670.000 | | | 2.622.900 | 3.601.676 | 6.287.124 | 16.563 | 18.225.673 |
| 77/07 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.697.600 | | | 2.708.534 | 3.687.310 | 6.372.758 | 16.563 | 18.885.883 |
| 78/08 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.725.200 | | | 2.794.168 | 3.772.944 | 6.458.392 | 16.563 | 19.546.093 |
| 79/09 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.752.800 | | | 2.879.802 | 3.858.578 | 6.544.026 | 16.563 | 20.206.303 |
| 80/10 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.780.400 | | | 2.965.436 | 3.944.212 | 6.629.660 | 16.563 | 20.866.513 |
| 81/11 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.808.000 | | | 3.051.070 | 4.029.846 | 6.715.294 | 16.563 | 21.526.723 |
| 82/12 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.835.600 | | | 3.136.704 | 4.115.480 | 6.800.928 | 16.563 | 22.186.933 |
| 83/13 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.863.200 | | | 3.222.338 | 4.201.114 | 6.886.562 | 16.563 | 22.847.143 |
| 84/14 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.890.800 | | | 3.307.972 | 4.286.748 | 6.972.196 | 16.563 | 23.507.353 |
| 85/15 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.918.400 | | | 3.393.606 | 4.372.382 | 7.057.830 | 16.563 | 24.167.563 |
| 86/16 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.946.000 | | | 3.479.240 | 4.458.016 | 7.143.464 | 16.563 | 24.827.773 |
| 87/17 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 1.973.600 | | | 3.564.874 | 4.543.650 | 7.229.098 | 16.563 | 25.487.983 |
| 88/18 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 2.001.200 | | | 3.650.508 | 4.629.284 | 7.314.732 | 16.563 | 26.148.193 |
| 89/19 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 2.028.800 | | | 3.736.142 | 4.714.918 | 7.400.366 | 16.563 | 26.808.403 |
| 90/20 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 2.056.400 | | | 3.821.776 | 4.800.552 | 7.485.999 | 16.563 | 27.468.613 |
| 91/21 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 2.084.000 | | | 3.907.410 | 4.886.186 | 7.571.633 | 16.563 | 28.128.823 |
| 92/22 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 2.111.600 | | | 3.993.044 | 4.971.820 | 7.657.267 | 16.563 | 28.789.033 |
| 93/23 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 2.139.200 | | | 4.078.678 | 5.057.454 | 7.742.901 | 16.563 | 29.449.243 |
| 94/24 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 2.166.800 | | | 4.164.312 | 5.143.088 | 7.828.535 | 16.563 | 30.109.453 |
| 95/25 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 2.194.400 | | | 4.249.946 | 5.228.722 | 7.914.169 | 16.563 | 30.769.663 |
| 96/26 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 2.222.000 | | | 4.335.580 | 5.314.356 | 8.000.000 | 16.563 | 31.429.873 |
| 97/27 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 2.249.600 | | | 4.421.214 | 5.400.000 | 8.085.634 | 16.563 | 32.090.083 |
| 98/28 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 2.277.200 | | | 4.506.848 | 5.485.634 | 8.171.268 | 16.563 | 32.750.293 |
| 99/29 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 2.304.800 | | | 4.592.482 | 5.571.268 | 8.256.902 | 16.563 | 33.410.503 |
| 100/30 | 545.800 | 1.000.000 | 500.000 | 125.000 | 2.332.400 | | | 4.678.116 | 5.656.902 | 8.342.536 | 16.563 | 34.070.713 |

**Năm 75 tuổi, QL phiếu tiền mặt an nhân 500 triệu đồng
QL tử vong 500 triệu đồng**

**Nếu KH đã nhận PTM AN,
Giá trị tiền mặt sẽ giảm tương ứng**

Ngân quỹ hưu trí lúc 76 tuổi 3.824.759.000 đồng

Ngân quỹ hưu trí lúc 80 tuổi 4.817.718.000 đồng

**Tổng phí chỉ 545.800.000 đồng
Tương đương 75.000 đồng/ngày
trong vòng 20 năm**

QL đáo hạn lúc 99 tuổi 14.704.522. 000 đồng


ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM

- TUỔI THAM GIA:** NĐBH 01 tháng – 65 tuổi
- THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ:** 12 năm *hoặc* 15 năm *hoặc* 20 năm
- TUỔI KẾT THÚC HỢP ĐỒNG:** NĐBH 99 tuổi
- STBH TỐI THIỂU:** 50 triệu đồng
- QUY ĐỊNH VỀ PHÍ:**


| Định kỳ đóng phí | Năm | Nửa năm | Quý | Tháng |
|------------------------|-----------|-----------|-----------|---------------|
| Hệ số định kỳ | 100% | 53% | 28% | 10% |
| Phí tối thiểu | 4 tr đồng | 2 tr đồng | 1 tr đồng | 500 ngàn đồng |
| Số kỳ phí đóng lần đầu | 01 | 01 | 02 | 03 |

PHÍ ƯU ĐÃI:


| STBH | < 200 triệu | 200 triệu đến <300 triệu | ≥ 300 triệu |
|------------|-------------|--------------------------|-------------|
| Tỷ lệ giảm | 0% | 3% | 6% |



Quan tâm nhiều
đến sức khỏe và
chi phí y tế.



Lo lắng cho
tương lai người
thân khi rủi ro
đến với mình



Khoản tiền tích
lũy cho con
cháu/kế hoạch
hưu trí



khách hàng
TIỀM NĂNG

2. SẢN PHẨM BẢO TRỢ



CÁC SẢN PHẨM BẢO HIỂM BỒ TRỢ



*HV tham dự khóa huấn luyện sản phẩm “Manulife – Món Quà Sức Khỏe”
để được cấp chứng chỉ bán sản phẩm này.*

ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM

| | 1.Trợ cấp y tế - ĐPNH 2.Tử vong và thương tật do tai nạn - ĐPNH 3.Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn – ĐPNH 4.Tử vong - ĐPNH | 5. Miễn nộp phí BH dành cho BMBH |
|--------------------|--|--|
| KÈM SẢN PHẨM CHÍNH | Manulife – Cuộc Sống Tươi Đẹp Ưu Việt (CSTĐƯV) đóng phí 12 năm/15 năm/20 năm | CSTĐƯV đóng phí 12 năm/15 năm |
| ĐỐI TƯỢNG BẢO HIỂM | BMBH, NĐBH chính, cha mẹ ruột/vợ/chồng/con ruột của BMBH. Không giới hạn số người. | BMBH (≠ NĐBH chính) |
| TUỔI THAM GIA | Tối thiểu: 01 tháng tuổi Tối đa: 70 tuổi trừ thời hạn đóng phí | Tối thiểu: 18 tuổi - Tối đa: 70 tuổi trừ thời hạn đóng phí |
| THỜI HẠN BẢO HIỂM | NĐBH của SPBT 70 tuổi | Hết thời gian đóng phí của SP chính, hoặc BMBH 70 tuổi, chọn sự kiện đến trước |
| THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ | 12 năm nếu đính kèm CSTĐƯV đóng phí 12 năm 15 năm nếu đính kèm CSTĐƯV đóng phí 15 năm hoặc 20 năm | Bằng thời hạn đóng phí của SP chính |
| PHÍ BẢO HIỂM | Không đổi theo tuổi. Phí của Tử vong và thương tật do tai nạn đổi theo nhóm nghề của NĐBH. | Phụ thuộc phí của SP chính và phí của các SPBT khác trong hợp đồng. |
| GIÁ TRỊ HOÀN LẠI | Có (kết thúc khi kết thúc SPBT) | KHÔNG |

1

TRỢ CẤP Y TẾ - ĐÓNG PHÍ NGẮN HẠN

200.000
đ/ngày

300.000
đ/ngày

500.000
đ/ngày

1 triệu
đ/ngày

2 triệu
đ/ngày

3 triệu
đ/ngày

Nằm viện qua đêm

100% STBH của SPBT / ngày
Tối đa **365 ngày/năm HĐ**

Nằm viện tại khoa CSDB

200% STBH của SPBT/ ngày

- Tối đa **1.000 ngày** cho toàn thời hạn hợp đồng.
- Tối đa **5 ngày** / lần nằm viện tại TTYT quận/huyện, bệnh viện không thuộc Bộ Y Tế quản lý, bệnh viện/viện/khoa YH cổ truyền/YH dân tộc/điều dưỡng, phục hồi chức năng.
- Căn cứ vào số ngày nằm viện tối đa được xem là cần thiết về mặt y khoa để chi trả cho mỗi lần nằm viện (xem bảng “*Tiêu chuẩn về số ngày nằm n đối với một số thông thường*”).

1

TRỢ CẤP Y TẾ - ĐÓNG PHÍ NGẮN HẠN

Thời gian chờ: 30 ngày (trừ tai nạn).



Được xem xét tái tục hàng năm. Công ty có quyền từ chối tái tục ngay cả khi đã hết thời hạn đóng phí. Khi từ chối tái tục, Công ty trả lại GTHL (nếu có).

2

TỬ VONG & THƯƠNG TẬT DO TAI NẠN ĐÓNG PHÍ NGẮN HẠN

Thương tật do tai nạn

- ▶ Chi trả tối đa đến **100% STBH** của SPBT này.
- ▶ Nếu cùng tai nạn gây ra ≥ 02 thương tật thì thanh toán cho 01 thương tật có mức chi trả cao nhất.

| Tình trạng thương tật | Tỷ lệ chi trả (% STBH) |
|-----------------------|------------------------|
| Cả hai tay | 100% |
| Cả hai chân | 100% |
| Một tay và một chân | 100% |
| Hai mắt | 100% |
| Một tay và một mắt | 100% |
| Một chân và một mắt | 100% |
| Một chân hoặc một tay | 50% |
| Một mắt | 50% |
| Hai tai | 50% |
| Tiếng nói | 50% |
| Mỗi ngón tay cái | 20%/ngón tay cái |
| Tất cả ngón chân | 30% |

2

TỬ VONG & THƯƠNG TẬT DO TAI NẠN ĐÓNG PHÍ NGẮN HẠN

Tử vong do tai nạn

*Khấu trừ Quyền lợi
thương tật do tai nạn đã
thanh toán trước (nếu có)*

SPBT này chấm
dứt khi đã chi
trả xong $\geq 100\%$
STBH

100%
STBH

TỬ VONG DO TAI NẠN thông thường



200%
STBH

TỬ VONG DO TAI NẠN khi là hành
khách có vé trên phương tiện
giao thông công cộng, di chuyển
bằng thang máy hoặc hỏa hoạn
tại tòa nhà công cộng



300%
STBH

TỬ VONG DO TAI NẠN khi là hành
khách có vé trên chuyến bay
thương mại



3

THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ VÀ VĨNH VIỄN ĐÓNG PHÍ NGẮN HẠN

MẤT/LIỆT HOÀN TOÀN & VĨNH VIỄN:

- ▶ 02 tay; hoặc
- ▶ 02 chân; hoặc
- ▶ 01 tay & 01 chân; hoặc
- ▶ thị lực 02 mắt; hoặc
- ▶ 01 tay & thị lực 01 mắt; hoặc
- ▶ 01 chân & thị lực 01 mắt.

THƯƠNG TẬT > 80%

(giám định sau **180 ngày** tính từ ngày xảy ra tai nạn/bệnh tật)

100% STBH

Thời gian chờ: **90 ngày** (*trừ tai nạn*)

4

TỬ VONG - ĐÓNG PHÍ NGẮN HẠN



100% STBH



QUYỀN LỢI BH VỚI NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM < 4 TUỔI

- ▶ *Tử vong và thương tật do tai nạn*
- ▶ *Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn*
- ▶ *Tử vong*

| Tuổi của NĐBH tại thời điểm xảy ra sự kiện BH (T) | Tỷ lệ chi trả (% của quyền lợi tương ứng) |
|---|---|
| $0 < T < 1$ | 20% |
| $1 \leq T < 2$ | 40% |
| $2 \leq T < 3$ | 60% |
| $3 \leq T < 4$ | 80% |
| ≥ 4 | 100% |

5

MIỄN NỘP PHÍ BẢO HIỂM DÀNH CHO BMBH

(Đính kèm Manulife – Cuộc Sống Tươi Đẹp Ưu Việt phiên bản đóng phí 12 năm hoặc 15 năm)

MINH HỌA

Anh A 30 tuổi tham gia: Manulife – Cuộc Sống Tươi Đẹp Ưu Việt phiên bản đóng phí 15 năm cho con trai 01 tuổi SPBT Miễn Nộp Phí Bảo Hiểm Dành Cho BMBH.

BMBH:

- (1) Tử vong, hoặc:
- (2) Bị chẩn đoán Bệnh Lý Nghiêm Trọng Giai Đoạn Cuối

MIỄN PHÍ BH của hợp đồng:

- ▶ Phí của SP chính
- ▶ Phí của SPBT cho NĐBH chính
- ▶ Phí của SPBT cho người phụ thuộc

30 tuổi



Anh A ung thư ác tính

33 tuổi

SPBT kết thúc



1 tuổi

4 tuổi

16 tuổi

99 tuổi

MIỄN PHÍ BH toàn bộ HĐ

CÁC LOẠI TRỪ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM



Đại lý cần tìm hiểu kỹ và tư vấn đúng cho khách hàng về các loại trừ quyền lợi bảo hiểm! Xem Điều khoản sản phẩm tại AWS

Tư vấn chi tiết về điều khoản loại trừ giúp duy trì lòng tin của khách hàng đối với bạn!

THAY ĐỔI SẢN PHẨM BẢO TRỢ

| Sản phẩm bảo trợ | Tham gia thêm | Tăng STBH | Giảm STBH | Hủy SPBT |
|--|--|--|-----------------------|--|
| <ul style="list-style-type: none"> Trợ cấp y tế - ĐPNH Tử vong và thương tật do tai nạn – ĐPNH Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn – ĐPNH Tử vong - ĐPNH | Trong vòng 6 tháng kể từ ngày SP chính có hiệu lực. | Trong vòng 6 tháng kể từ ngày SP chính có hiệu lực. | Bất kỳ lúc nào | Bất kỳ lúc nào Không thể tham gia trở lại nếu đã hủy. |
| <ul style="list-style-type: none"> Miễn nộp phí dành cho BMBH | | Không áp dụng | | |



HOA HỒNG ĐẠI LÝ

Áp dụng chung
mức hoa hồng đại lý
của sản phẩm chính

**Manulife – Cuộc Sống Tươi Đẹp
Ưu Việt**



TỔNG KẾT VỀ SẢN PHẨM BẢO TRỢ

| TÊN SPBT | KÈM SPC | QUYỀN LỢI | ĐỐI TƯỢNG BẢO HIỂM | ĐẶC TÍNH KHÁC | THAY ĐỔI SPBT |
|--|-----------------------------------|--|--|--|---|
| Trợ cấp y tế - ĐPNH | CSTĐƯV đóng phí 12/15/20 năm | 100% / 200% STBH; 1000 ngày; TG chờ: 30 ngày | <u>Đối tượng BH:</u> BMBH, NĐBH chính, cha mẹ ruột /vợ/chồng/con ruột của BMBH | <u>Thời hạn đóng phí:</u> 12 năm nếu SPC đóng phí 12 năm; 15 năm nếu SPC đóng phí 15 hoặc 20 năm; <u>Thời hạn bảo hiểm:</u> NĐBH bảo trợ 70T <u>Phí:</u> không đổi, trừ TV&TTDTN <u>GTHL:</u> có (kết thúc khi kết thúc SPBT) | <u>Thêm/Tăng STBH:</u> trong 6 tháng <u>Hủy/Giảm STBH:</u> bất kỳ lúc nào |
| Tử vong & thương tật do tai nạn – ĐPNH | | TV: 100%; 200%; 300%; TT: max 100% STBH | <u>Tuổi tối thiểu:</u> 01 tháng tuổi | | |
| Thương tật toàn bộ & vĩnh viễn - ĐPNH | | 100% STBH, TG chờ: 90 ngày | <u>Tuổi tối đa:</u> 70 tuổi trừ thời hạn đóng phí | | |
| Tử vong - ĐPNH | | 100% STBH | | | |
| Miễn nộp phí BH dành cho BMBH | CSTĐƯV đóng phí 12 / 15 năm | Miễn nộp phí khi BMBH bị TV / BLNT GĐC | <u>Đối tượng BH:</u> BMBH (≠ NĐBH chính) <u>Tuổi tối thiểu:</u> 18 tuổi <u>Tuổi tối đa:</u> 70 tuổi trừ thời hạn đóng phí | <u>T/hạn phí & T/hạn BH:</u> hết thời hạn phí SP chính; <u>Phí:</u> phụ thuộc phí các SP khác trong HĐ <u>GTHL:</u> không | <u>Thêm:</u> trong 6 tháng <u>Hủy:</u> bất kỳ lúc nào <u>Tăng/Giảm STBH:</u> không áp dụng |